

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/DS-PT.

Ngày: 09/02/2022.

V/v: “*Tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản theo hợp đồng thuê lô sạp*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Luông

Các Thẩm phán:

Ông Võ Thái Sơn

Ông Nguyễn Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Dương Thanh Giềng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 02 năm 2022, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 172/2020/TLPT-DS ngày 08 tháng 12 năm 2020 về việc “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 153/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 114/2021/QĐPT-DS ngày 28 tháng 10 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 108/2021/QĐ-PT ngày 24 tháng 11 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 115/2021/QĐ-PT ngày 10 tháng 12 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 02/2022/QĐ-PT ngày 07 tháng 01 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Huỳnh M, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Châu Thanh H; Địa chỉ: Ấp A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Hậu Giang. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trần Thanh P - Văn phòng luật sư Trần Thanh P thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ; Địa chỉ: 170B, đường D, phường E, quận G, thành phố Cần Thơ. (Có mặt)

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Phát triển Chợ - Siêu thị M

Trụ sở chính: Số 147/9, đường H, phường I, quận G, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thanh Đoàn H1, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thái T; Địa chỉ: Số 4A, đường K, phường L, quận G, thành phố Cần Thơ. (Có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Phát triển Chợ - Siêu thị M, chi nhánh Hậu Giang.

Địa chỉ: Ấp A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông La Văn L, chức vụ: Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Phát triển Chợ - Siêu thị M, chi nhánh Hậu Giang. (Vắng mặt)

(Theo xác định của Tòa án cấp sơ thẩm)

4. *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Huỳnh M là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Châu Thanh H trình bày: Theo Hợp đồng cho thuê sử dụng điểm kinh doanh số 37/HĐ-VM ngày 01/8/2012 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng số 37/HĐ-VM) được ký kết giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Phát triển Chợ - Siêu thị M (sau đây gọi tắt là Công ty M) và hộ kinh doanh là bà Nguyễn Thị Huỳnh M thì bà M thuê của Công ty M 12 lô sạp (từ lô 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48) để kinh doanh các mặt hàng lưới cước, cao su, dây, thùng mốp, cân đồng hồ, đồ điện, điện gia dụng, ống nước, công cụ nông ngư cơ, đồ sắt, cùng nhiều vật dụng khác... ngoài ra còn sử dụng các lô sạp làm kho chứa hàng; thời hạn thuê là 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 31/01/2013. Do những ngày cuối năm gia đình đã tập trung vốn liếng, vay mượn bạn bè để trữ hàng dịp tết nên hàng hóa rất nhiều, để đầy kho, lô sạp cũng như một phần ra phía ngoài. Đến khoảng 18 giờ ngày 06/01/2013, sau khi dọn hàng vào các lô sạp nguyên đơn ra về, đến khoảng 19 giờ 15 phút cùng ngày tại các lô sạp phát cháy. Hậu quả là tài sản bị cháy rụi hoàn toàn, qua kiểm kê thiệt hại là 3.388.984.000 đồng. Do Ban quản lý chợ, tổ bảo vệ chợ B không thực hiện nhiệm vụ được giao, không kịp thời phát hiện ra đám cháy tại các lô sạp của nguyên đơn để dập tắt kịp thời. Khi ký kết hợp đồng thuê địa điểm kinh doanh có cam kết thực hiện Nội quy chợ, đóng các khoản phí như phí vệ sinh, trông giữ hàng hóa đầy đủ. Ban quản lý chợ và tổ bảo vệ chợ B là người lao động,

người làm công do bị đơn thuê mướn nên nguyên đơn khởi kiện bị đơn có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho nguyên đơn với số tiền tạm tính là 3.388.984.000 đồng.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết lại vụ án đại diện của nguyên đơn là ông Châu Thanh H trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn, yêu cầu bị đơn bồi thường số tiền thiệt hại là 3.388.984.000 đồng. Đây là yêu cầu bồi thường thiệt hại trong phạm vi hợp đồng giữa nguyên đơn và bị đơn. Trong hợp đồng có thỏa thuận tiểu thương có nghĩa vụ đóng tiền 10.000 đồng/lô/ngày và bị đơn có trách nhiệm trông giữ hàng hóa. Vợ chồng nguyên đơn thuê 12 lô sạp từ lô số 37 đến lô số 48. Theo hợp đồng ghi kinh doanh ăn uống 06 lô, chứa hàng 06 lô nhưng thực tế không có kinh doanh ăn uống mà dùng để chứa hàng, việc này bên Ban quản lý chợ có biết nhưng không có ý kiến. Ngoài ra, bị đơn còn thu thêm số tiền 5.000 đồng/ngày/hộ kinh doanh là phí trông giữ hàng hóa. Số tiền này không có trong hợp đồng, không có văn bản thể hiện nhưng có phiếu thu. Bị đơn có trách nhiệm trông giữ hàng hóa gồm quản lý đảm bảo không mất hàng hóa và không có hỏa hoạn xảy ra. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải bồi thường thiệt hại vì không thực hiện đúng trách nhiệm.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty M trình bày: Bị đơn có ký kết Hợp đồng số 37/HĐ-VM ngày 01/8/2012 về việc cho thuê 12 lô sạp như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, nguyên đơn dùng tất cả 12 lô sạp để kinh doanh chứa hàng là không đúng như hợp đồng đã ký. Quá trình nguyên đơn kinh doanh, phía đại diện công ty đã không đồng ý, nhiều lần nhắc nhở nhưng nguyên đơn vẫn cố ý thực hiện. Sự việc hỏa hoạn ngày 06/01/2013 do lỗi của nguyên đơn khi nhập hàng hóa vượt quy định, để tràn ra ngoài các lô sạp, bừa bãi không tự sắp xếp, không trông giữ cẩn thận, tự bỏ đi trước 18 giờ, khi phát cháy do khóa cửa ngoài nên không vào được bên trong, hàng hóa nguyên đơn là hàng dễ cháy nên sự việc xảy ra không do lỗi của Ban quản lý chợ. Sau đó, nguyên đơn cũng không có yêu cầu bị đơn bồi thường khoản nào mà chỉ yêu cầu phía bị đơn hỗ trợ nên phía bị đơn đã hỗ trợ các chi phí như: không thu tiền mặt bằng, phí vệ sinh, phí trông giữ hàng hóa từ ngày 07/01/2013 đến ngày 07/9/2013 với số tiền 31.735.000 đồng; đồng thời làm lại khung sườn của 12 lô sạp cho nguyên đơn tiếp tục kinh doanh buôn bán (có lập văn bản). Sau ngày 07/9/2013 cho đến nay nguyên đơn vẫn kinh doanh, quản lý và sử dụng 12 lô sạp như Hợp đồng số 37/HĐ-VM nhưng không ký kết lại hợp đồng, không đóng bất cứ khoản phí nào. Thiệt hại nguyên đơn khởi kiện không

như thực tế và lỗi không thuộc về bị đơn, lỗi hoàn toàn của nguyên đơn nên bị đơn không thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn tự nguyện hỗ trợ cho nguyên đơn số tiền 293.058.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 153/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang đã tuyên xử như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh M (do ông Châu Thanh H đại diện) về việc khởi kiện yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Phát triển Chợ - Siêu thị M có trách nhiệm bồi thường thiệt hại tổng số tiền 3.388.984.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn về việc hỗ trợ chi phí thuê mặt bằng, phí vệ sinh, phí trông giữ hàng hóa theo bảng nợ mặt bằng, phí vệ sinh, phí trông giữ hàng hóa chưa nộp tương đương số tiền 293.058.000 đồng từ ngày xảy ra cháy đến ngày nguyên đơn di dời trả lại các lô đã thuê; Công ty sẽ không có yêu cầu về sau.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 02 tháng 10 năm 2020, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Nội dung kháng cáo: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu quan điểm: Về tư cách người ký kết hợp đồng, mặc dù do ông La Văn L ký kết hợp đồng, nhưng bị đơn có biết và không phản đối, hơn nữa bị đơn có hưởng lợi từ việc giao kết hợp đồng này nên đại diện bị đơn cho rằng hợp đồng giao kết giữa nguyên đơn và bị đơn vô hiệu là không đúng. Bản án sơ thẩm chưa phân tích được mối quan hệ nhân quả; khi xảy ra vụ cháy tổ bảo vệ chợ không phát hiện mà là người dọn vệ sinh chợ phát hiện, lúc này Ban quản lý chợ mới kích hoạt hệ thống phòng cháy chữa cháy, nhưng máy bơm không hoạt động, mà đến khi lực lượng phòng cháy chữa cháy đến thì mới dập tắt đám cháy nên đây là lỗi của Ban quản lý chợ. Ngoài ra, nguyên đơn có cung cấp các hóa đơn nhập hàng vào ngày xảy ra vụ cháy nên các hóa đơn này cũng là căn cứ để xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng qui định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh M, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bỏ phần ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ của bị đơn đối với nguyên đơn, các phần khác vẫn giữ nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh M có đơn kháng cáo đúng qui định tại các Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn có trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với tài sản của nguyên đơn bị cháy với tổng số tiền là 3.388.984.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản*” là chưa chính xác. Bởi lẽ, nguyên đơn cho rằng bị đơn không thực hiện đúng trách nhiệm theo nội dung hợp đồng mà hai bên đã ký kết, dẫn đến việc nguyên đơn bị thiệt hại tài sản là do bị cháy các lô sạp thuê của bị đơn. Như vậy, tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn phát sinh từ hợp đồng cho thuê sử dụng điểm kinh doanh, cụ thể là thuê sử dụng các lô sạp. Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản theo hợp đồng thuê lô sạp*”.

[3]. Tòa án cấp sơ thẩm xác định Công ty M, chi nhánh Hậu Giang là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không chính xác. Bởi lẽ, tại khoản 1 Điều 84 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “*1. Chi nhánh, văn phòng đại diện là đơn vị phụ thuộc của pháp nhân, không phải là pháp nhân*”; Khoản 5 Điều 84 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “*Người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của pháp nhân trong phạm vi và thời hạn được ủy quyền*”. Đồng thời, đại diện bị đơn cũng xác định Công ty M, chi nhánh Hậu Giang là thuộc Công ty M. Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm, tránh những sai sót tương tự.

[4]. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện bị đơn trình bày là Hợp đồng số 37/HĐ-VM được ký kết giữa bị đơn và nguyên đơn là vô hiệu, với lý do là Giám đốc Công ty M, chi nhánh Hậu Giang là ông Nguyễn Việt C chứ không phải ông La Văn L, nên việc ông La Văn L đại diện cho bên A (bên cho thuê địa điểm kinh doanh) Công ty M với tư cách là Giám đốc chi nhánh ký kết Hợp

đồng số 37/HĐ-VM với nguyên đơn là không đúng. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ Quyết định số 56/QĐ-VM ngày 15/4/2011 thì ông La Văn L được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc chi nhánh Hậu Giang, Trưởng Ban quản lý chợ B; Hợp đồng số 37/HĐ-VM thì được ký kết ngày 01/8/2012, tức là thời điểm ông L đại diện bị đơn ký kết Hợp đồng số 37/HĐ-VM với nguyên đơn thì ông L là Giám đốc chi nhánh Hậu Giang. Mặc dù không đảm bảo về chủ thể giao kết hợp đồng, nhưng phía bị đơn thừa nhận là có biết việc ông L đại diện bị đơn ký kết hợp đồng số 37/HĐ-VM và bị đơn cũng không phản đối nên Hợp đồng số 37/HĐ-VM có hiệu lực; hơn nữa bị đơn là phía được hưởng lợi trong việc giao kết hợp đồng này. Do đó, việc đại diện bị đơn cho rằng Hợp đồng số 37/HĐ-VM vô hiệu là không có căn cứ.

[5]. Nguyên đơn cho rằng việc cháy các lô sạp của nguyên đơn xảy ra ngày 06/01/2013 là lỗi của phía bị đơn do không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ được quy định trong Hợp đồng số 37/HĐ-VM. Bởi vì, bị đơn có thu của nguyên đơn số tiền 5.000 đồng/ngày/hộ kinh doanh là phí trông giữ hàng hóa nên bị đơn có trách nhiệm trông giữ, đảm bảo không mất hàng hóa và không có hỏa hoạn xảy ra. Sự việc hỏa hoạn ngày 06/01/2013 do lỗi của Ban quản lý chợ khi đã không thực hiện đầy đủ những công việc được giao theo quy chế làm việc của Ban quản lý chợ như: không xây dựng phương án phòng cháy, chữa cháy, không tổ chức phân công lãnh đạo trực ngoài giờ để thường xuyên kiểm tra công tác bảo vệ chợ cũng như phòng cháy, chữa cháy, không tổ chức cho các nhân viên phòng cháy chữa cháy thao tác vận hành máy bơm chữa cháy... khiến họ lúng túng khi cháy chợ; Các nhân viên tổ bảo vệ chợ đã không thực hiện đầy đủ nhiệm vụ được giao, không kịp thời phát hiện ra đám cháy tại lô hàng của nguyên đơn để dập tắt đám cháy kịp thời ngay từ đầu. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn.

Bị đơn thì cho rằng lỗi hoàn toàn là do ở nguyên đơn, cụ thể tại Điều 1 của Hợp đồng số 37/HĐ-VM có thể hiện mặt hàng đăng ký kinh doanh là bán ăn uống giải khát 06 lô, kho chứa hàng hóa 06 lô, nhưng nguyên đơn đã sử dụng 12 lô làm kho chứa hàng hóa; quá trình kinh doanh cũng không tuân thủ Nội quy chợ (nấu ăn, sinh hoạt, ngủ lại lô sạp); để hàng hóa vượt diện tích, không gian quy định; Ban quản lý chợ đã nhiều lần nhắc nhở nhưng nguyên đơn không chấp hành nên sự việc hỏa hoạn ngày 06/01/2013 bị đơn không có lỗi, không đồng ý bồi thường.

[6]. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[6.1]. Vụ cháy xảy ra ngày 06/01/2013 đối với 12 lô sạp của hộ kinh doanh bà Nguyễn Thị Huỳnh M là có thật. Sau khi sự việc cháy xảy ra các cơ quan chức năng đã tiến hành khám nghiệm hiện trường để xác định nguyên nhân cháy. Theo kết luận khám nghiệm hiện trường của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hậu Giang, xác định nguyên nhân cháy là: *“Có nhiều khả năng có sự tác động trực tiếp của con người. Kết luận giám định của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh: Sản phẩm cháy gửi giám định không tìm thấy thành phần xăng dầu. Mặt khác cơ quan điều tra đã tiến hành xác định trước khi vụ cháy xảy ra không phát hiện người nào có mặt tại khu vực phát cháy”*. Qua quá trình điều tra, xác minh kết luận không có sự việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C ban hành quyết định không khởi tố vụ án và phía nguyên đơn cũng không có khiếu nại gì đối với kết luận giám định và quyết định không khởi tố vụ án nêu trên, thể hiện nguyên đơn thống nhất với các văn bản, quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Bởi vì, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã quyết định không khởi tố vụ án hình sự và không tiến hành thụ lý Đơn tố cáo về hành vi thiếu trách nhiệm của Ban quản lý chợ của nguyên đơn nên việc nguyên đơn cho rằng vụ cháy xảy ra hoàn toàn do lỗi của bị đơn là chưa có căn cứ.

[6.2]. Để chứng minh thiệt hại, phía nguyên đơn có cung cấp các hóa đơn, chứng từ, giấy xác nhận công nợ, danh sách các điểm nguyên đơn nhập hàng... để chứng minh số lượng hàng hóa mà nguyên đơn đã nhập trước và trong ngày xảy ra vụ cháy để chứng minh thiệt hại của nguyên đơn. Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành thu thập chứng cứ theo yêu cầu của nguyên đơn, nhưng các cá nhân là chủ của các điểm cung cấp hàng hóa cho nguyên đơn (danh sách do nguyên đơn cung cấp) không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn xác định là sau khi nguyên đơn nhập hàng hóa thì có phân phối số hàng hóa này đến nhiều tỉnh thành, như vậy việc nguyên đơn căn cứ vào các hóa đơn, chứng từ nhập hàng để liệt kê, xác định thiệt hại là không phù hợp.

[6.3]. Theo Hợp đồng số 37/HĐ-VM được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn thì nguyên đơn thuê của bị đơn 12 lô sạp (từ lô 37 đến lô 48); trong đó có 06 lô kinh doanh ăn uống giải khát; 06 lô làm kho chứa hàng hóa. Quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn thừa nhận nguyên đơn thực tế không có kinh doanh ăn uống giải khát mà dùng hết 12 lô này để chứa hàng hóa. Tại Điều IV của Hợp đồng số 37/HĐ-VM có quy định là nguyên đơn chỉ được sử dụng địa điểm kinh doanh đã thuê của bị đơn để kinh doanh những mặt hàng mà nguyên đơn đã đăng ký nên việc nguyên đơn sử dụng 12

lô sạp để chứa hàng hóa là không thực hiện đúng nội dung hợp đồng đã ký kết. Đồng thời, căn cứ biên bản xác minh thực tế của Tòa án cùng các biên bản ghi lời khai trong quá trình điều tra của Công an huyện C, nguyên đơn đều trình bày là tại các lô sạp có nệm ngủ, tivi, máy giặt, phòng tắm, sử dụng bếp gas để nấu ăn. Mặt khác, nguyên đơn thừa nhận hôm sự việc xảy ra, khi nguyên đơn rời khỏi lô sạp có khóa cửa, tự giữ chìa khóa, không có giao chìa khóa cho bảo vệ chợ giữ, vì vậy khi phát cháy do khóa cửa ngoài nên không vào được bên trong để kịp thời xử lý đám cháy; cộng với việc hàng hóa của nguyên đơn là hàng dễ cháy. Hơn nữa, nguồn điện trong lô sạp của nguyên đơn có hai nguồn điện, nguồn ban ngày nguyên đơn sử dụng chung với hệ thống điện trong nhà lồng chợ; Nguồn điện sử dụng vào ban đêm do nguyên đơn tự quản lý có cầu dao riêng. Thời gian cháy vào khoảng 19 giờ là ban đêm, tại lô sạp của nguyên đơn có bóng đèn cháy sáng (Bút lục 05). Đại diện nguyên đơn cũng thừa nhận là trước khi nguyên đơn đi thì nguồn điện trong các lô sạp của nguyên đơn vẫn còn (Bút lục số 17).

[6.4]. Phía nguyên đơn cho rằng, trong Hợp đồng số 37/HĐ-VM hai bên có thỏa thuận thu phí dịch vụ trông giữ hàng hóa 5.000 đồng/ngày nên bị đơn phải có trách nhiệm bồi thường đối với hàng hóa của nguyên đơn bị cháy. Bị đơn thì cho rằng bị đơn thu phí này chỉ có trách nhiệm trông giữ trật tự tại chợ, trông coi hàng hóa, không có trách nhiệm bồi thường khi hỏa hoạn xảy ra. Xét thấy, tại Điều II của Hợp đồng số 37/HĐ-VM chỉ ghi giá cho thuê là 300.000 đồng/tháng/1lô x 12lô = 3.600.000 đồng; tiền thế chân (ký quỹ) 5.000.000 đồng/lô sạp x 12 lô sạp = 60.000.000 đồng. Ngoài ra còn các chi phí dịch vụ khác: thuế hoa chi, phí vệ sinh, tiền điện, tiền nước, phí dịch vụ trông giữ hàng hóa. Đối với phí dịch vụ trông giữ hàng hóa chỉ ghi là theo quy định chung, không thể hiện rõ số tiền là bao nhiêu và hợp đồng cũng không thể hiện việc trông giữ hàng hóa là bao gồm những công việc gì, Hợp đồng số 37/HĐ-VM cũng không có phụ lục kèm theo và các đương sự cũng thừa nhận là hai bên không có ký kết hợp đồng trông giữ hàng hóa.

[6.5]. Qua xác minh tại Cơ quan Chi cục thuế huyện C, xác định Hộ kinh doanh của bà Nguyễn Thị Huỳnh M đăng ký kinh doanh từ 28/11/ 2011, đến ngày 24/4/2013 đăng ký lại lần đầu. Theo báo cáo thuế năm 2013 thì nguyên đơn báo cáo doanh thu chịu thuế là 36.000.000 đồng/tháng. Mức khoán thuế 360.000 đồng/tháng (Bút lục số 421). Như vậy, việc nguyên đơn kê khai thiệt hại đến 3.388.984.000 đồng là không có cơ sở.

[6.6]. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì không có kết luận hay kết luận nào của cơ quan có thẩm quyền xác định thiệt hại của

nguyên đơn, số tiền thiệt hại 3.388.984.000 đồng mà nguyên đơn yêu cầu là do nguyên đơn tự liệt kê căn cứ vào các hóa đơn nhập hàng. Hội đồng xét xử cũng nhận thấy có phần trách nhiệm của Ban quản lý chợ đã phát hiện việc hộ kinh doanh không tuân thủ hợp đồng nhưng không xử lý sai phạm theo quy định. Tuy nhiên, qua lời khai và các chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án đều không có chứng cứ xác định được nguyên nhân xảy ra vụ cháy. Mặt khác, trong Hợp đồng số 37/HĐ-VM, nguyên đơn và bị đơn không có thỏa thuận trách nhiệm bồi thường trong trường hợp cháy nổ và vụ cháy cũng không xác định được lỗi, không có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trái pháp luật và thiệt hại nên không có căn cứ bồi thường.

Nguyên đơn cho rằng do bị đơn thiếu trách nhiệm gây thiệt hại cho nguyên đơn, tuy nhiên nguyên đơn không xuất trình được chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ và bị đơn cũng không thừa nhận. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự: *“Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp”* và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án phải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được trước có trong hồ sơ vụ việc.”*. Từ những phân tích trên, xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

[7]. Tòa án cấp phúc thẩm có yêu cầu phía bị đơn cung cấp Quy chế hoạt động của chợ M; Quyết định bổ nhiệm Ban quản lý chợ M; Các hợp đồng lao động đối với Tổ bảo vệ chợ vào đêm cháy chợ ngày 06/01/2013 (gồm ông Huỳnh Văn T1, ông Châu N, ông Thái Văn P1 và ông Võ Thanh T2) nhưng bị đơn từ chối cung cấp chứng cứ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”*. Việc từ chối cung cấp chứng cứ của bị đơn đã làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án.

[8]. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện bị đơn tự nguyện hỗ trợ cho nguyên đơn phần phí mặt bằng, phí vệ sinh, phí trông giữ hàng hóa theo bảng kê nợ mặt bằng, phí vệ sinh, phí trông giữ hàng hóa năm 2013-2019 tương đương số tiền 293.058.000 đồng. Xét thấy, tại Điều V của Hợp đồng số 37/HĐ-VM hai bên có thỏa thuận: *“Trước khi hết thời gian hiệu lực của Hợp đồng, nếu bên B có nhu cầu tiếp tục kinh doanh phải báo cho bên A biết để tiếp tục tái ký Hợp*

đồng”. Hợp đồng số 37/HĐ-VM ký kết ngày 01/8/2012 đã chấm dứt từ ngày 31/01/2013, các đương sự đều thừa nhận là sau khi Hợp đồng số 37/HĐ-VM hết hạn thì nguyên đơn và bị đơn không tiếp tục ký kết hợp đồng hoặc gia hạn hợp đồng. Như vậy, bị đơn căn cứ vào đâu để xác định nguyên đơn còn nợ số tiền thuê mặt bằng, phí vệ sinh, phí trông giữ hàng hóa tương đương với số tiền 293.058.000 đồng. Mặt khác, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn xác định không có nợ phí mặt bằng, phí vệ sinh, phí trông giữ hàng hóa như bị đơn trình bày và cũng không đồng ý nhận số tiền hỗ trợ 293.058.000 đồng của bị đơn, với lý do là sau vụ cháy nguyên đơn không có tiếp tục kinh doanh. Do đó, bản án sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ số tiền 293.058.000 đồng của bị đơn cho nguyên đơn là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm.

Từ những lập luận và phân tích trên, xét thấy nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh M kháng cáo nhưng không có chứng cứ chứng minh yêu cầu kháng cáo có cơ sở, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận; Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9]. Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh M không được chấp nhận nên bà M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 91, Điều 147, Điều 148, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 584, Điều 585 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về qui định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh M.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 153/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh M (do ông Châu Thanh H đại diện) về việc khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Phát triển Chợ - Siêu thị M có trách nhiệm bồi thường thiệt hại với tổng số tiền là 3.388.984.000 đồng (Ba tỷ ba trăm tám mươi tám triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Huỳnh M phải chịu 99.779.680 đồng (Chín mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn sáu trăm

tám mươi đồng), khấu trừ 24.944.900 đồng (Hai mươi bốn triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn chín trăm đồng) tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp theo biên lai thu số 0008227 ngày 05/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hậu Giang thành tiền án phí. Buộc bà Nguyễn Thị Huỳnh M phải nộp thêm 74.834.780 đồng (Bảy mươi bốn triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn bảy trăm tám mươi đồng).

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Huỳnh M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001243 ngày 02/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hậu Giang thành tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 09 tháng 02 năm 2022.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- TAND H. C;
- CC.THADS H. C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Văn Luông